

(Kèm theo Thông báo số 61/TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025, của UBND xã Lợi Bắc)

STT	Theo bản đồ địa chính					Theo mảnh trích đo						Ghi chú
	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	Mảnh trích đo	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	
				8.705,3						8.705,3		
1	6	310	154	269,6	ONT	02-2019	6	310	378-2	294,3	ONT	Số 2362/TLB Đ ngày
2	LN 01	541	31	24,7	ONT		LN 01	541				
3	LN 01	541	5	1.240,7	RSX	02-2019	LN 01	541	379-1	1855,2	CLN	Số 2361/TLB Đ ngày 20/6/2026
4	LN 01	541	31	487,0	ONT		LN 01	541				
5	6	310	154	127,5	ONT		6	310				
6	LN 01	541	5	592,0	RSX	02-2019	LN 01	541	615	592,0	BHK	
7	6	310	203	443,0	LUC	02-2019	6	310	203	443,0	LUC	
8	6	310	223	318,4	LUC	02-2019	6	310	223	318,4	LUC	
9	6	310	224	495,2	LUC	0-20192	6	310	224	495,2	LUC	
10	6	310	182	396,0	LUC	02-2019	6	310	182	396,0	LUC	
11	6	310	183	129,0	LUC	02-2019	6	310	183	129,0	LUC	
12	6	310	185	294,0	LUC	02-2019	6	310	185	294,0	LUC	
13	6	310	186	341,0	LUC	02-2019	6	310	186	341,0	LUC	
14	6	310	241	101,0	DGT	02-2019	6	310	184	490,0	LKN	
	6	310	184	389,0	CLN	02-2019						
15	6	310	163	235,0	TSN	02-2019	6	310	163	235,0	TSN	
16	6	310	241	77,0	DGT	02-2019	6	310	162	488,0	BHK	
	6	310	162	411,0	BHK	02-2019						
17	6	310	226	702,0	TSN	02-2019	6	310	226	702,0	TSN	
18	6	310	241	247,7	DGT	02-2019	6	310	255	1.632,2	BHK	
	6	310	255	1.384,5	BCS							